

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM QUA KHO SÁCH NHẬT BẢN HIỆN LƯU TRỮ TẠI HÀ NỘI

LEARNING ABOUT VIETNAM FROM A HANOI-BASED COLLECTION
OF BOOKS BY JAPANESE AUTHORS

*Nguyễn Thị Oanh**
*Đình Huyền Phương***

MỞ ĐẦU

Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (Ecole Francaise d'Extrême-Orient, viết tắt là EFEO) là viện nghiên cứu về lịch sử học, khảo cổ và ngôn ngữ học liên quan đến bán đảo Ấn Độ - Trung Hoa và các nước thuộc vùng Viễn Đông (tức Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản và một số nước thuộc quần đảo Nam Dương). Theo Kim Vĩnh Kiện¹, “Viện Viễn Đông Bác cổ được thành lập vào ngày 15 tháng 12 năm 1898. Trước khi Tổng thống Pháp là Paul Doumer bị ám sát ở Paris (vào ngày mùng 6 tháng 5 [1932]), ông là Tổng đốc Indo Chine của Pháp. Tên đầu tiên của học viện là Viện Nghiên cứu Khảo cổ học Đông Dương (Mission Archéologique d’Indochine), đến ngày 20 tháng 01 năm 1900 đổi thành tên Viện Viễn Đông Bác cổ. Việc nghiên cứu của học viện mang tính hàn lâm và chiếm vị trí quan trọng trong giới Đông Dương học của thế giới.

Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp đương thời bao gồm các chức danh: Danh dự viên (Membres d’honneur); Chính viên (Membres permanents) và Phó viên (Membres temporaires). Chẳng kể là người bản quốc, ngay cả người nước ngoài đều là những người sánh ngang với các “thạc học” (học giả nổi tiếng) của thế giới. Nghiên cứu viên người nước ngoài đến từ các nước Hà Lan, Anh Quốc, Đức, Hà Lan, Thái Lan, Ấn Độ, Nhật Bản,... hiện không thể nêu hết tên của các học giả quốc tế, nhưng có thể kể tên “thạc học” của Nhật Bản với tư cách là Danh dự viên bấy giờ là ông Takakusu Junjiro 高楠順次郎. Chính viên được gọi là Giáo thụ (Giáo sư); Phó viên được tuyển chọn bình thường. Phó viên đi du lịch nghiên cứu ở các nơi ở Indo Chine; Indo; Chine và các nơi khác Đông Dương. Phó viên còn được gọi là Cấp phí sinh (Ecole pensionnaires). Chức danh Phó viên được bổ sung bằng những người tốt nghiệp ở Học viên Cao đẳng Pháp (Ecole des Hautes Etudes); Học viên Đông Dương ngữ (Ecole des Langues orientales) và Khoa Kiến trúc của Học viện Mỹ thuật (Ecole des Beaux-arts). Chức danh này có thời hạn trong một năm. Ngoài ra còn có chức danh Thông tin viên (Membres correspondants). Không chỉ có nhân viên của học viện những người nào có khả năng nghiên cứu về Đông Dương học đều được cung cấp các tiện nghi nghiên cứu.

* Phó Giáo sư. Tiến sĩ, Giảng viên Đại học Thăng Long.

** Thạc sĩ, Giảng viên Đại học Thăng Long.

¹ Kim Vĩnh Kiện: “Viện Viễn Đông Bác cổ và một số tình hình gần đây”, đăng trong *Tạp chí Sử học Nghiên cứu*, quyển 4, số 1, Tokyo, 1932, tr.126.

Ở Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp có Viện trưởng, Trưởng phòng Khảo cổ học, Bí thư, Thư ký, Thủ thư, Học viên Ấn Độ, Học viên Trung Quốc, Học viên Lịch sử nghệ thuật cùng nhân viên nghiên cứu cổ tích của Ankoru, Giản Phố Trại (*Kâmpŭchéa*), Tokyo, An Nam, Chiêm Bà (Chăm Pa), Laos (Lào). Lẽ đương nhiên họ là nhân viên chính thức. Viện trưởng theo sự tiến cử của của Viện Hàn lâm Pháp và do Tổng đốc Indo-Chine của Pháp quyết định. Viện trưởng trước đó là Louis Finot; Alfred Foucher; Cl.E. Maitre và ngài Lesonard Arousseau. Viện trưởng hiện nay là ngài Georges Caedés”.

Năm 1901, EFEO được thành lập tại Hà Nội², cùng với việc nghiên cứu Thư viện EFEO cũng đã ra đời nhằm mục đích thu thập những tư liệu cần thiết cho việc nghiên cứu sử học, khảo cổ học, xã hội học, bi ký học,... Bên cạnh việc sưu tầm thu mua sách, Thư viện còn nhận rất nhiều sách biếu tặng, hoặc sách trao đổi. Thư viện được chia làm bảy kho (bộ): gồm Âu văn bộ; Hán văn bộ; An Nam bộ; Nhật Bản bộ; Địa đồ bộ; Tả bản bộ và Thác bản bộ.

Theo Kim Vĩnh Kiện, “Kho sách Nhật Bản do các ông Cl.E. Maitre; Noel Péri; và Gaspardone sưu tầm. Kho sách Nhật Bản có ký hiệu N và J. Ký hiệu N tức tên gọi các thư tịch cũ của Nhật Bản Nihon hoặc Nippon; Ký hiệu J là tên mới Japon. Hiện nay, ký hiệu N có khoảng 600 bộ 5.000 quyển trở lên. Ký hiệu J có ngàn trăm bộ (hơn ngàn bộ), 5.000 quyển trở lên, vẫn còn một số sách chưa lên mục lục hiện đang trong quá trình chuẩn bị, dự định sang năm sẽ hoàn thành. Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của các học giả Nhật Bản mà kho sách Nhật Bản được sưu tầm khá đầy đủ” (tr.134).

Thực tế, bộ Thư mục sách Nhật Bản hiện nay đang sử dụng là bộ Thư mục đánh máy in Roneo do Thư viện KHXH biên soạn vào năm 1970. Sau này, thư viện đã cho biên soạn lại bộ Thư mục để tra trên mạng nhưng hiện chưa được sử dụng. Ngoài kho sách Nhật Bản của Thư viện EFEO, Thư viện KHXH còn bổ sung thêm một số tài liệu được sưu tầm, trao đổi vào thời điểm trước năm 1970. Gần đây, nhân tìm hiểu kho sách Nhật Bản, chúng tôi cũng nhận ra một số điểm còn hạn chế của bộ Thư mục sách Nhật Bản hiện nay, hy vọng trong thời gian tới có thể hợp tác với Thư viện KHXH để biên soạn bộ Thư mục sách Nhật Bản đầy đủ hơn, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của các nhà nghiên cứu.

1. Vài nét về bộ Thư mục sách Nhật Bản do Viện Thông tin KHXH biên soạn

1.1. Lời giới thiệu bộ Thư mục sách Nhật Bản

Bộ Thư mục sách Nhật Bản được biên soạn (từ trước đó?³) đến năm 1970 thì hoàn thành. Bộ Thư mục gồm 148 trang chính văn và 14 trang mục lục, được đánh máy in Roneo. Lời giới thiệu ở trang đầu sách Nhật Bản viết: “Sách, báo chí trong kho chữ Nhật ở Thư viện Khoa học xã hội hiện nay rất phong phú, nhưng vì thiếu người nên chúng tôi chỉ mới sơ bộ khai thác các sách và các bài luận văn trong tạp chí có liên quan đến Việt Nam,

² Dương Thái Minh: “Vài nét về quá trình hình thành khoa sách Hán Nôm hiện nay”, đăng trong *Tạp chí Hán Nôm - 100 bài tuyển chọn*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Hà Nội, 2000, tr.22.

³ Theo chúng tôi được biết, Thư mục sách Nhật Bản đã được người đi trước biên soạn, nhưng không rõ vì sao trong *Lời giới thiệu* không ghi lịch sử biên soạn và tên người biên soạn đầu tiên.

Lào, Campuchia,... về mặt lịch sử, địa lý, văn hóa, dân tộc, khảo cổ,... xin giới thiệu để bạn đọc có một khái niệm chung về nội dung kho sách và, do đó, có thể gợi ý cho chúng tôi những hướng cần đi sâu khai thác sau này. Về mặt thời gian, các ấn phẩm được nêu lên ở trong thư mục này hầu hết được xuất bản trước năm 1954⁴.

Cũng theo *Lời giới thiệu*, *Thư mục sách Nhật Bản* được chia làm hai phần:

- 1/ Sách Nhật nói chung (chỉ giới thiệu khái quát).
- 2/ Sách Nhật viết về Việt Nam, Căm-pu-chia, Lào (giới thiệu kỹ hơn)⁵.

Trong mỗi phần Thư viện “chia thành nhiều mục nhỏ và sắp xếp theo thứ tự chữ cái”.

“Để phục vụ bạn đọc Việt Nam không biết chữ Nhật tiện tham khảo, dưới phần giới thiệu hình thức sách, Thư viện ghi tên sách hoặc đề mục bằng chữ Việt Nam đã dịch từ chữ Nhật sang, hoặc bằng nguyên văn Hán Việt cùng với nội dung tóm tắt”.

Lời giới thiệu cũng giới thiệu cách ghi ký hiệu sách Nhật cũ là J và N và ký hiệu sách mới: NBb.I; NB.4;... (“chưa thống nhất vì nhiều nguồn khác nhau”).

Cuối *Lời giới thiệu* có ghi: “Vì điều kiện sách còn phân tán, nên hiện nay chúng tôi chưa thể giới thiệu tập trung từng đề tài và trọn bộ. Chúng tôi sẽ bổ sung vào những quyển thư mục tiếp. Mong bạn đọc thông cảm và chỉ dẫn cho những thiếu sót để chúng tôi rút kinh nghiệm biên soạn về sau được tốt hơn”.

1.2. Nội dung bộ Thư mục sách Nhật Bản

Bộ Thư mục sách Nhật Bản chia làm hai phần:

- 1/ Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam.
- 2/ Thư mục sách Nhật Bản

Ở phần thứ nhất, Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam chia làm 23 mục (không đánh số thứ tự), gồm: 1. Lịch sử; 2. Lịch sử, Địa lý; 3. Văn hóa, Dân tộc; 4. Dân tộc Chăm; 5. Hồ Chí Minh; 6. Chiến tranh xâm lược và giải phóng; 7. Ngôn ngữ, văn tự; 8. Sách, chữ Hán Nôm; 9. Luật pháp; 10. Kinh tế, thổ sản; 11. Mậu dịch, địa lý; 12. Mậu dịch giữa Việt Nam và Nhật Bản; 13. Giao thông; 14. Kiến trúc; 15. Ngoại giao; 16. Quan hệ giữa Việt Nam và người nước ngoài; 17. Khảo cổ; 18. Châu Á; 19. Campuchia, Lào; 20. Chủ nghĩa thực dân, Đế quốc, Trung lập; 21. Học viện Viễn Đông Bác cổ; 22. Sách dẫn, Mục lục, Thư mục, Tư liệu; 23. Tranh ảnh địa đồ.

Ở phần thứ hai, Thư mục sách Nhật Bản gồm các mục 16 mục (không đánh số thứ tự): 1. Thông sử, lịch sử các ngành Quân sự, Thương nghiệp, Nông nghiệp, Danh nhân, Giáo dục; 2. Địa lý; 3. Dân tộc; 4. Văn hóa, Phong tục; 5. Triết học, Tôn giáo; 6. Văn học; 7. Văn

⁴ Thực tế Thư mục sách Nhật Bản đăng tải cả bài viết biên soạn trước năm 1970. Như cuốn *Lịch sử hiện đại của Việt Nam*, Xuân Thu xuất bản, phát hành năm 1968 tại Tokyo.

⁵ Thực tế Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam được đặt trước Thư mục sách Nhật Bản.

thư; 8. Ngôn ngữ, Văn phạm, Văn tự; 9. Pháp luật; 10. Thống kê; 11. Khảo cổ; 12. Lịch sử, Địa lý, Văn hóa nước ngoài; 13. Mục lục, Sách, Thư mục; 14. Sách tra cứu, Tự điển; 15. Tạp chí; 16. Tranh ảnh; Địa đồ;

Do khuôn khổ bài viết chúng tôi xin giới thiệu danh mục các bài viết một số bài nghiên cứu và một số tác giả Nhật Bản tiêu biểu ở mục Lịch sử; Văn hóa dân tộc trong Bộ Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam.

Thứ nhất: Mục Lịch sử

Ở mục này Thư viện⁶ giới thiệu 33 bài viết liên quan đến lịch sử Việt Nam đăng tải trên các *Tạp chí như Sử lâm; Hoàng Văn đường thư; Thông hạp nhất lãm; Thư viện lục quân Nhật Bản; Sử học; Đông Dương thông sử; Dục sinh xã; Lịch sử học nghiên cứu; Lịch sử bình luận; Đông Dương học báo*,... xuất bản tại Tokyo, sớm nhất là năm 1880 và muộn nhất là năm 1968, trong đó nhiều nhất là các bài viết đăng trên *Đông Dương thông sử* (1904). Nội dung đề cập đến nhiều vấn đề (các mục dưới đây do chúng tôi phân loại):

1) Các bài nghiên cứu liên quan đến lịch sử Việt Nam như: *An Nam thông sử của Iwamura Narisuke* (Jijiwara Riichiro 藤原利一郎); *Bộ nhất nước An Nam* (Hayakawa Junzaburo 早川純三郎); *An Nam sử* (Hikita Toshiaki 引田利彰); *Sự chia cắt nước An Nam* (Kubo Tokuji 久保徳二); *Giao Chỉ* (Kubo Takuji 久保徳二); *Lịch sử nước An Nam* (Mizutani Otokichi 水谷乙吉); *Nam Việt* (Morikiyo Taro 森清太郎); *Chuyện dựng nước của nước Việt Nam* (Wada Kiyoshi 和田清);...

2) Các bài liên quan đến bang giao và chiến tranh giữa Việt Nam và các nước như: *Sắc phong cho Nam Việt* (Kubo Tokuji 久保徳二); *An Nam Miến Điện thời Thế Tông* (Kubo Tokuji 久保徳二); *Nam chiếu xâm lược Giao chỉ* (Kubo Tokuji 久保徳二); *Việc chinh phục nước Lâm Ấp* (Kubo Tokuji 久保徳二).

3) Các bài khảo về dòng họ người Việt như *Họ Nguyễn ở An Nam; Họ Lê của An Nam* (đều của Kubo Tokuji 久保徳二).

4) Các bài liên quan đến Pháp có: *An Nam trở thành nước bảo hộ của Pháp; Việc nước Pháp chiếm đóng hạ Giao chỉ* (đều của Kubo Tokuji 久保徳二); *Khảo cứu tên những người Pháp sang giúp nhà Nguyễn* (Ito Takao 伊東隆夫).

5) Các bài liên quan đến nhân vật lịch sử như: *Sĩ Nhiếp, một chính quyền trong lịch sử Việt Nam của Yamauchi Hiroshikyo* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣); *Lưu Vĩnh Phúc; Nam Việt vương và Thái hậu Cù thị* (đều của Kubo Tokuji 久保徳二).

6) Nghiên cứu sử liệu Việt Nam: *Hai tư liệu nghiên cứu về lịch sử nước An Nam* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣); *Việt sử lược và Đại Việt sử ký* (Yamamoto Tasuro 山本達郎).

⁶ Bộ Thư mục sách Nhật Bản do không ghi tên người biên soạn nên chúng tôi tạm gọi chung là “Thư viện” (tức Thư viện Thông tin KHXH).

7) Các bài viết được đăng tải từ năm 1954 đến 1970 gồm: *Lịch sử hiện đại Việt Nam* (sách mở đầu giới thiệu việc nghiên cứu Indo-China dưới chủ nghĩa đế quốc); *Khoa học lịch sử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (cả hai bài đều của Shinbo Junichiro 真保潤一郎).

Ở mục Lịch sử, trừ hai bài viết đăng tải từ năm 1954 đến 1970, số còn lại đều đăng trên các tạp chí của Nhật từ 1880 đến 1854 do Viện EFEO sưu tầm.

Thứ hai: Mục Văn hóa, dân tộc

Mục này gồm 27 bài.

1) Liên quan đến thần thoại và truyền thuyết dân gian có các bài: *Quan hệ giữa thiên văn và linh vật trong Truyện khác của An nam về truyền thuyết con của con Rái cá “Lão lại (thát) trư”* (Akashi Sadayoshi 明石貞吉); *Nơi phát sinh truyền thuyết con của con Rái cá “Lão lại (thát) trư”* (Chung Kính Văn 鍾敬文 - người Trung Quốc); *Việc nghiên cứu thần thoại ở vùng cực đông của Pháp*; *Bài của Nguyễn Văn Khoan về chuyện cứu vớt linh hồn người chết đuối, phụ ký về chuyện tin có linh hồn ở Đông Kinh*; *Dân tộc Ấn Độ Chi Na* (trong đó có đề cập đến truyền thuyết ở Việt Nam (đều của Matsumoto Nobuhiro 松本信廣). *Sông Hồng An Nam* (Các truyện về truyền thuyết trị thủy ở Trung Quốc) (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣).

2) Liên quan đến du ký: *Kondo-Seisai toàn tập* (Ichishima Kenkichi); *Chuyện phiêu lưu đến nước An Nam*; *Nam phiêu ký*; *Ký sự người Áo Châu phiêu lưu đến nước An Nam* (cùng của Ishii Kendo 石井研堂); *Bút ký du lịch An Nam* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣); *Đi đến nước An Nam*; *Nam chính ký* (đều của Takakusu Junjiro 高楠順次郎); *Nước An Nam* (bộ 7, 8) (Hayakawa Junzaburo 早川純三郎).

3) Liên quan đến văn hóa: *Văn hóa ở vùng châu thổ Ton-kin Đông dương thuộc Pháp* (Kobayashi Tomoo 小林知生); *Văn hóa Tập (Tapa cloth - đồ mặc) thời cổ đại ở Đông Á* (Kokubun Naoichi 国分直一); *Văn hóa Ấn Độ Chi Na, Dân tộc Ấn Độ Chi Na* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣); *Quê hương cũ rẫy, nơi mà giống người Ấn Độ Chi Na cùng ở đầu tiên trong thời tiền sử* (Takakatsu Junjiro 高楠順次郎).

4) Liên quan đến phong tục, tập quán: *Răng đen của người An Nam* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣).

5) Liên đến tôn giáo: *Ảnh hưởng của việc truyền đạo* (tác phẩm dịch của Takayama Yokichi 高山洋吉); *Tế Khổng tử ở Hà Nội An Nam* (Gaspardone Katsuko 嘉津子); *Người An Nam với việc dẫm lên cây thánh giá hay tranh ảnh của đạo Cơ Đốc* (Matsumoto Nobuhiro 松本信廣).

6) Một số bài liên quan đến lịch sử: *Về “Vài họ người An Nam” của Gourou* (Makino Tatsumi 牧野巽); *Nam Á* (Watarase Masatada 渡瀬正忠).

2. Một số tác giả và công trình nghiên cứu Việt Nam tiêu biểu giai đoạn đầu thế kỷ XX

2.1. Kubo Tokuji (1875-1934) và công trình biên soạn lịch sử Việt Nam



Kubo Tokuji (1875-1934)

Trong số 33 bài viết liên quan đến lịch sử Việt Nam, tác giả có số lượng được tuyển chọn nhiều nhất 16 bài là Kubo Tokuji 久保徳二, nếu tính cả năm bài dưới đây: *Hình thế nước An Nam*; *Loạn lạc ở Giao Chỉ*; *Cuộc xâm lược phương Nam của Hốt Tất Liệt*; *Tôn Sĩ Nghị thua trận* (xếp ở mục *Chiến tranh chống xâm lược và giải phóng*) số bài của ông được tuyển chọn lên tới 21 bài.

Theo chúng tôi được biết, Kubo Tokuji sinh năm 1875, mất năm 1934, ông là nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc của Nhật Bản, ông còn có tên là Kubo Tenzui 久保天随. Năm 1899, ông tốt nghiệp khoa Hán văn Đại học Đế quốc Tokyo (nay là Đại học Tokyo) với đề tài *Nghiên cứu Tây Sương ký*. Ông là tác giả của nhiều bài bình luận, tùy bút. Dịch chú rất nhiều tác phẩm Hán văn. Ông là Giáo sư danh dự của Đại học Đê Quốc Đài Bắc, ông còn sáng tác nhiều thơ chữ Hán. Ông biên soạn và sáng tác, chú thích, chú giải khoảng 75 tác phẩm từ năm 1900 đến năm 1934. Như: *Đông Dương thông sử* 東洋通史 (toàn bộ 12 quyển); *Nhật Bản Nho học sử* 日本儒学史; *Cận thế Nho học sử* 近世儒学史; *Chi Na hý khúc nghiên cứu* 支那戲曲研究; *Liễu Tông Nguyên* 柳宗元; *Tứ thư tân thích* 四書新釈; *Hán thư bình thích* 漢詩評釈; *Đông Dương luân lý sử yếu* 東洋倫理史要; *Nhật Bản lịch sử thông giám* 日本歴史宝鑑; *Bạch Thị bình thích* 白氏評釈; *Quốc ngữ tân ngữ tối tân từ điển* 国語新語最新大辞典 (1934). Có 10 tác phẩm cùng biên soạn với tác giả khác như: *Minh Trị bách gia văn tuyển* 明治百家文選; *Hoạt kể tiêu thoại lữ bào* 滑稽笑話旅靴,...⁷

⁷ Xem thêm: Nguyễn Thị Oanh: “Về bộ *Đại Nam thực lục* in ảnh tại Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*,

Các bài viết của ông được tuyển chọn ở mục Lịch sử đa phần được đăng tải trên *Đông Dương Thông sử* 東洋通史, gồm 12 quyển, do Kubo Tokuji biên soạn trong thời gian từ 1903-1904. Có lẽ Thư mục đã lựa chọn các sự kiện liên quan đến Việt Nam trong sách này để đưa vào Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam.

Ví dụ: bài *Thời vận suy vi của Việt Nam*. Thư mục lược thuật như sau: “Thời kỳ nước Anh đang lấn dần sang phương Đông thì nước Xiêm La và Việt Nam còn được gọi là các nước mạnh ở Đông Nam Á. Nhưng trong thời gian 47 năm, các vua Việt nam đã khinh thường người Pháp, ra lệnh đuổi tén đồ đạo Gia Tô, giam cầm cố đạo. Tướng hải quân Pháp là Pi-e đã bắn vào tàu binh của Việt Nam mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Vua Thiệu Trị tức giận mà chết, quan hệ giữa Pháp Việt ngày càng căng thẳng. Trừ Xiêm La còn các nước trong khu vực Đông nam Á đều bị người phương Tây chiếm cứ” (Thư mục, tr.6).

Hay bài về *Lưu Vĩnh Phúc*, Thư mục viết: “Đur đảng của quân tóc dài chống lại nhà Thanh bị thất bại chạy sang Việt Nam chia ra làm hai toán: cờ Đen và cờ Vàng. Quân cờ Vàng hoạt động ở các vùng biên giới Vân Nam, Bắc Kỳ, bên bờ sông Phú Lương và Lào Cai. Quân cờ Vàng vào phủ Hưng Yên, khi quân Pháp vào xâm lược Việt Nam thì dẫn đường cho Pháp, nhưng sau bị dẹp tan. Quân cờ Đen giúp Nguyễn Tri Phương chống Pháp, thủ lĩnh là Lưu Vĩnh Phúc. [Lưu Vĩnh Phúc] vốn người Cẩm Châu, Quảng Tây, Trung Quốc, trong tay có 25 vạn quân, chiếm cứ miền Bắc xứ Bắc Kỳ, nghiêm nhiên như một nước lớn. Vua Việt Nam cũng phải để yên và dụ cùng đánh Pháp. Quân cờ Đen có công cùng ta [Việt Nam] đánh Pháp, có lần giết tướng Pháp và vây hãm quân Pháp ở Nam Định, Hà Nam” (Thư mục, tr.7).

Tóm lại, các sự kiện lịch sử do Kubo Tokuji 久保徳二 biên soạn được *Thư mục* tuyển chọn đều được trích từ *Đông Dương thông sử*.

2.2. Matsumoto Nobuhiro (1897-1981) và các công trình nghiên cứu lịch sử, văn hóa, dân tộc Việt Nam



Matsumoto Nobuhiro (1897-1981)

Nếu các bài của Kubo Tokuji được tuyển chọn cho Thư mục sách Nhật Bản viết về Việt Nam chủ yếu là các sự kiện lịch sử được trích trong *Đông Dương thông sử* thì Matsumoto Nobuhiro với 25 mục được tuyển chọn đều là bài viết và công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí và sách nghiên cứu. Các bài của ông tập trung chủ yếu về các vấn đề lịch sử, văn hóa và dân tộc và ngôn ngữ, gồm: 1. *Sĩ Nhiếp, một chính quyền trong lịch sử Việt Nam của Yamauchi Hiroshikyo nam* (Tạp chí Sử học, 1935); 2. *Hai tư liệu nghiên cứu lịch sử An Nam* (Tạp chí Sử học, 1936); 3. *Người Nhật Bản lần đầu tiên đi qua bán đảo Đông Dương* (Tạp chí Sử học, 1936); 4. *Răng đen của người An Nam* (Tạp chí Sử học, 1953); 5. *Người An Nam với việc dẫm lên cây thánh giá hay tranh ảnh của đạo Cơ Đốc* (Tạp chí Sử học, 1936); 6. *Sông Hồng An Nam* (Các truyện về truyền thuyết trị thủy ở Trung Quốc) (Tạp chí Sử học, 1948); 7. *Bút ký du lịch An Nam* (Dân tộc học, q.5, 8, 1933); 8. *Việc nghiên cứu thần thoại ở vùng cực đông của Pháp* (Tạp chí Sử học, 1929); 9. *Văn hóa Ấn Độ Chi Na, Dân tộc Ấn Độ Chi Na* (sách, NXB Iwanami, 1935); 10. *Bàn về văn hóa cổ đại sách* (Công Lập xã phát hành, 1932); 11. *Bài của Nguyễn Văn Khoan về chuyện cứu vớt linh hồn người chết đuối, phụ ký về chuyện tin có linh hồn ở Đông Kinh* (Tạp chí Nghiên cứu dân tộc học, 1935); 12. *Tộc Dừa của người Chăm và chuyện quả dừa* (Dân tộc học, q.5, 6, 1933); 13. *Về bài của Mus. Paul “Việt thờ cúng của Ấn Độ và thổ dân Champa”* (Dân tộc học, q.I, 1935) (Tạp chí Sử học, 1935); 14. *Hình chữ cổ khắc trên dụng cụ của Ấn Độ Chi Na* (Tạp chí Sử học, 1934); 15. *Nghiên cứu tên bằng tiếng Nhật gọi các giống động vật và thực vật sản xuất ở các nước phương Nam* (Tạp chí Sử học, 1950); 16. *Tiếng Nhật Bản và tiếng Austroasia* (Tạp chí Sử học, 1919); 17. *Thư mục sách An Nam tàng trữ ở thư viện nhà vua Việt Nam* (Tạp chí Sử học, 1935); 18. *Thư mục sách An Nam tàng trữ ở Viện Cực Đông học của Pháp ở Hà Nội (Viện Viễn Đông bác cổ)* (Tạp chí Sử học, 1935); 19. *Tên một người Nhật Bản ghi trên bia Linh Trung Phật ở núi Phổ Đà An Nam* (Tạp chí Sử học, 1934); 20. *Gương Nhật Bản tìm thấy ở An Nam* (Tạp chí Sử học, 1934); 21. *Vài tư liệu của An Nam về trống đồng* (Tạp chí Sử học, 1935); 22. *Cuộc tranh luận về khoa học khảo cổ ở Ấn Độ Chi Na* (Tạp chí Sử học, 1937); 23. *Về trống đồng ở Ấn Độ Chi Na* (Tạp chí Sử học, 1933); 24. *Các vấn đề về cái rìu đá có vai* (Tạp chí Sử học, 1939); 25. *Vientienne (Lào)* (Sử học (SG) 18⁰, 1939).

Nghiên cứu sử liệu Việt Nam, đáng chú ý có bài: *Hai tư liệu nghiên cứu lịch sử An Nam*. Ở bài này ông đã đề cập đến “hai tư liệu nghiên cứu lịch sử An Nam. Tác giả giới thiệu khá kỹ về nội dung của hai cuốn sách: 1- *Đại Nam thực lục* do Sử quán An Nam xuất bản⁸; 2- *Bibliographie Annamite* (Thư mục sách An Nam) của Emile Gaspardone, người Pháp trước làm việc ở Viện Cực Đông học của nước Pháp ở Hà Nội (nay là Thư viện Khoa học Xã hội)” (Thư mục, tr.10) hay *Thư mục sách An Nam tàng trữ ở thư viện nhà vua Việt Nam*, tác giả đã cung cấp “Thư mục sách An Nam tàng trữ ở thư viện nhà vua Việt Nam, gồm 3970 bộ = 8531 quyển (sách thành bộ). Tổng số (kể cả sách thành bộ): 38.975 quyển”

⁸ Xem thêm: Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh: “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp qua thư mục của Matsumoto Nobuhiro”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2006*, tr.704-723.

(Thư mục, tr.50); *Thư mục sách An Nam tàng trữ ở Viện Cực Đông học của Pháp ở Hà Nội (Viện Viễn Đông Bác cổ)*⁹, tác giả đã lên “Thư mục sách An Nam tàng trữ ở Viện Cực Đông học của Pháp ở Hà Nội (Học viện Viễn Đông Bác cổ). Tổng cộng có 3440 bộ = 3921 quyển, chia thành 3 loại: 1- [Ký hiệu]A: Sách An nam viết bằng Hán văn 2528 bộ= 2821; 2- [Ký hiệu] AB: Sách viết bằng chữ Nôm 561 bộ = 570 quyển; 3- [Ký hiệu] AC: Sách Hán in Việt Nam: 351 bộ = 530 quyển (Thư mục, tr.50-51); bài *Vài tư liệu của An Nam về trống đồng*, tác giả đã “đề cập tới núi Đồng cổ (trống đồng) ở huyện An Đĩnh, xã Đan Nê. Tư liệu báo của Viện Cực Đông học (Thư viện Khoa học Xã hội hiện nay) (Thư mục, tr.81).

Về nghiên cứu thần thoại và truyền thuyết, có bài: *Sông Hồng An nam* (trích trong *Các truyện về truyền thuyết trị thủy ở Trung Quốc*)¹⁰. Hay sách *Luận về văn hóa cổ đại*, trong đó có bàn đề vấn đề nghiên cứu thần thoại ở Cực Đông (truyền thuyết Việt Nam ở trang 108).

Về phong tục tập quán của người Việt đáng chú ý có bài: *Răng đen của người An Nam*. Ở bài này Thư mục giới thiệu tóm tắt: “răng đen của người An Nam. Phong tục và công thức nhuộm răng”¹¹. Ở trong bài viết này, ông không chỉ nói đến phong tục nhuộm răng đen của người Việt Nam mà còn so sánh với phong tục nhuộm răng đen của người Nhật Bản¹².

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu Nhật Bản đều coi Matsumoto Nobuhiro là người đầu tiên đặt nền móng cho việc nghiên cứu Đông Nam Á tại Nhật (còn một người nữa là Yamamoto Tatsuro 山本達郎). Ông được học giả Nhật Bản công nhận là người có vai trò đi đầu trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu như: Nghiên cứu Đông Nam Á; Nghiên cứu Việt Nam; Dân tộc học, Thần thoại học; Đông Dương sử học;... là người có vai trò quan trọng nghiên cứu Nhật - Việt đào tạo ra lớp kế tục sự nghiệp Việt Nam học ở Nhật Bản ở Đại học Keio.

Vài nét về tiểu sử của Matsumoto Nobuhiro¹³

GS Matsumoto Nobuhiro sinh ngày 11 tháng 11 năm Meiji (Minh Trị) thứ 30 (1897) tại Tokyo. Sau ba năm kể từ khi tốt nghiệp khoa Văn, chuyên ngành Sử học tại Đại học Keio tháng 3 năm 1920, vào năm 1924 ông sang Pháp du học tại Trường Đại học Sorbonne

⁹ Xem thêm: Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh: “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp qua thư mục của Matsumoto Nobuhiro”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2006*, tr.704-723.

¹⁰ Thực tế, Thư mục chỉ giới thiệu 1 trang (tr.227) về “nước lụt ở sông Hồng và truyền thuyết Sơn Tinh và Thủy Tinh tranh nhau lấy con gái Hùng Vương” mà không cho biết đây chỉ là trích đoạn trong bài viết: *Các vấn đề của truyền thuyết hồng thủy Trung Quốc*.

¹¹ Xem thêm: 「お歯黒文化圏に関する試論 日本とベトナムを事例にして」(Khảo sát vùng văn hóa nhuộm răng đen: Trường hợp Nhật Bản và Việt Nam) trong 『日越交流における歴史・社会・文化の諸課題』(*Các vấn đề Lịch sử - Xã hội - Văn hóa trong giao lưu Nhật - Việt*), Liu Jianhui chủ biên, NXB Trung tâm Giao lưu Văn hóa Quốc tế Nhật Bản, ISBN978-4-901558-74-7, tr.141-152, 2015.

¹² Xem thêm: Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh: “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp qua thư mục của Matsumoto Nobuhiro”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2006*, tr.704-723.

¹³ Về tiểu sử của Matsumoto Nobuhiro mà chúng tôi đã có dịp giới thiệu trong bài viết: “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp qua thư mục của Matsumoto Nobuhiro”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2006* của Lương Thị Thu và Nguyễn Thị Oanh.

của Pháp, lấy bằng Tiến sĩ Docteurs Lettres với Luận văn chính là *Le Japonais et les langues austroasiatiques* và luận văn phụ là *Recherches sur quelques themes de la mythologie japonaise*. Sau khi trở về nước, GS Matsumoto Nobuhiro tiếp tục giảng dạy tại Trường Đại học Keio Gijuku Daigaku (Khánh Ứng Nghĩa Thục Đại học). Năm 1930, ông là Giáo sư Khoa Văn học Đại học Keio; năm 1933, nhân chuyến đi điều tra nghiên cứu về Đông Dương, thuộc địa của Pháp, ông đã tới các tỉnh Hải Phòng, Hà Nội, Cao Bằng, Huế, Hội An. Trong thời gian này, ông đã đến Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp và các thư viện ở Kinh thành Huế để điều tra sử liệu, tìm hiểu các ván khắc in sách theo sắc lệnh của nhà vua và làm việc với Thượng thư Phạm Quỳnh về việc cho phép Nhật Bản in bộ *Đại Nam thực lục*. Mặc dù đã được Thượng thư Phạm Quỳnh đồng ý, “Sau này nếu có cơ hội, chúng tôi sẽ cho phép các ngài cùng in bộ sách đó”, song, kế hoạch đó bấy giờ không thực hiện được. Năm 1934, GS Matsumoto cho in bộ *Thư mục sách Hán Nôm của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội*. Cùng năm, nhờ sự giúp đỡ của hai người làm việc tại Học viện là ngài Coedes và ngài Gaspardonne, ông tiếp tục điều đình với triều đình Huế và được phép mang sáu bộ sách *Đại Nam thực lục* về in tại Nhật Bản. Năm 1935, ông tham gia Hội Dân tộc học Nhật Bản. Năm 1937, ông tham gia điều tra dân tộc học ở quần đảo Nam Á như Mariana, Palau, New Guinea; Năm 1938-1939 ông tham gia điều tra di lịch lịch sử ở Trung Quốc. Với những đóng góp khoa học thực sự có giá trị, vào năm 1955, ông được chính phủ Pháp tặng thưởng huân chương Les palmes academiques vì những công hiến cho việc giao lưu giữa Việt Nam và Nhật Bản. Từ năm 1957 đến 1958, ông dẫn đầu đoàn Hiệp hội Dân tộc học Nhật Bản tới các nước Thái Lan, Lào và Campuchia để điều tra tổng hợp về văn hóa dân tộc các nước nông nghiệp ở Đông Nam Á. Sau khi trở về nước, ông giữ chức vụ Trưởng khoa Khoa Văn học thuộc Đại học Keio. Năm 1961 đến 1981, ông phụ trách theo dõi việc in ấn bộ *Đại Nam thực lục* tại Nhật Bản. Năm 1969, ông được bầu giữ chức Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa Đại học Keio. Năm 1969, ông thôi chức, được phong Giáo sư danh dự Đại học Keio. Ông mất năm 1981, thọ 83 tuổi.

Những trước tác chủ yếu: *Bàn về văn hóa cổ đại* 古代文化論, Tokyo 1932; *Các dân tộc Đông Dương và văn hóa* 印度支那の民族と文化, in năm 1942; *Nghiên cứu về Đông Dương*, in năm 1965; *Khảo luận về văn hóa các dân tộc Đông Á* 東亞民族文化論攷, in năm 1968; *Nghiên cứu về thần thoại Nhật Bản* 日本神話の研究. In năm 1971; *Khởi nguồn của văn hóa dân tộc Nhật Bản* 日本民族文化の起源, in năm 1978;...

KẾT LUẬN

Bộ Thư mục sách Nhật Bản do Thư viện Viện Thông tin KHXH biên soạn năm 1970 tuy còn sơ lược trong việc tóm tắt nội dung nhưng đã cung cấp cho độc giả thành tựu nghiên cứu Việt Nam của các học giả Nhật Bản đầu thế kỷ XX. Bài viết mới dừng ở mức giới thiệu tư liệu của hai mục *Lịch sử* và *Văn hóa, dân tộc*, nhưng đã cho thấy trong bối cảnh giao lưu giữa các học giả Đông Dương học Pháp và thế giới đầu thế kỷ XX, khi Đông Nam Á trở thành một bộ phận của khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á (Đại Đông Á cộng vinh quyền), các nhà nghiên cứu Nhật Bản - đặc biệt là Matsumoto Nobuhiro - bằng

sự cố gắng học hỏi trên các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, dân tộc, khảo cổ, ngôn ngữ,... đã có đóng góp lớn cho việc nghiên cứu Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung. Hy vọng trong thời gian sắp tới, thành tựu nghiên cứu Việt Nam của một số học giả Nhật Bản sẽ được làm sáng tỏ ở các công trình nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kim Vĩnh Kiện: “Viện Viễn Đông Bác cổ và một số tình hình gần đây”, đăng trong *Tạp chí Sử học Nghiên cứu*, quyển 4, số 1, Tokyo, 1932.
2. Dương Thái Minh: “Vài nét về quá trình hình thành khoa sách Hán Nôm hiện nay”, đăng trong *Tạp chí Hán Nôm - 100 bài tuyển chọn*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Hà Nội, 2000.
3. Nguyễn Thị Oanh: “Về bộ *Đại Nam thực lục* in ảnh tại Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 10(510), 2018.
4. Lương Thị Thu, Nguyễn Thị Oanh: “Bước đầu tìm hiểu kho sách chữ Hán của Việt Nam ở Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp qua thư mục của Matsumoto Nobuhiro”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2006*.
5. Liu Jianhui chủ biên: 「お歯黒文化圏に関する試論 日本とベトナムを事例にして」 (*Khảo sát vùng văn hóa răng đen: Trường hợp Nhật Bản và Việt Nam*), trong 『日越交流における歴史・社会・文化の諸課題』 (*Các vấn đề Lịch sử - Xã hội - Văn hóa trong giao lưu Nhật - Việt*), Trung tâm Giao lưu Văn hóa Quốc tế Nhật Bản, ISBN978-4-901558-74-7, 2015.